TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/DS-PT
Ngày 28-5-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quang
Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1)
Trụ sở: Tầng 1 và 2 Tòa nhà S A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng Giám đốc (vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Giám đốc Trung tâm Q1 - Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng bán lẻ, theo Giấy ủy quyền số 064326.24 ngày 01-4-2024 (vắng mặt).
Những người được ủy quyền lại:
1. Ông Cao Sỹ H1 (vắng mặt);
2. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt);
3. Bà Lê Thùy L (có mặt);
4. Bà Phan Thanh H2 (vắng mặt)
Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền số 088976.24 ngày 08-5-2024.

- *Bị đơn*: Ông Lý Thành N, sinh năm 1999.

Trú tại: Tổ B, ấp B, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*:
Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V1) trình bày:

Ông Lý Thành N có vay tiền tại Ngân hàng V1 như sau:

Ngày 16-12-2020, ông N ký hợp đồng tín dụng số 1284020.20 vay của Ngân hàng V1 số tiền 682.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng; lãi suất là 9,10%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày được giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson.

Tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson, biển số A-469.84 do Phòng C Công an tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 069036 ngày 14-12-2020.

Phương thức trả nợ: Thanh toán nợ gốc và lãi hàng tháng theo kỳ vào ngày 15 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên vào ngày 15-01-2021 và kỳ trả cuối vào ngày 16-12-2028; mỗi kỳ trả số tiền 7.500.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ.

Ngân hàng V1 đã giải ngân cho ông N theo "*Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1284020(1).20 ngày 16-12-2020*" với số tiền 682.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Tính đến ngày 20-9-2023, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền 119.949.029 đồng, trong đó tiền gốc là 85.200.000 đồng, tiền lãi là 34.749.029 đồng. Tính đến ngày 20-9-2023, ông N còn nợ Ngân hàng V1 tổng số tiền là 828.902.928 đồng, trong đó nợ gốc là 596.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.550.663 đồng, nợ lãi quá hạn là 215.552.266 đồng;

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng V1 yêu cầu:

- Buộc ông N phải trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền 828.902.928 đồng, trong đó nợ gốc là 596.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.550.663 đồng, nợ lãi quá hạn là 215.552.266 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Ngân hàng V1 không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson, biển số A-469.84 do Phòng C Công an tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe số 069036 ngày 14-12-2020.

Quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, bị đơn ông Lý Thành N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông N.

Tại bản án sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Lý Thành N.

1.1. Buộc ông Lý Thành N có nghĩa vụ trả nợ cho V1 theo Hợp đồng tín dụng số 1284020.20, ngày 16-12-2020 tính đến ngày 20-9-2023 với số tiền là 828.902.928 đồng, trong đó nợ gốc là 596.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.550.663 đồng, nợ lãi quá hạn là 215.552.266 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 21-9-2023) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng V1, ông N còn phải tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Ngay sau khi ông Lý Thành N trả hết nợ cho Ngân hàng V1, thì Ngân hàng V1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lý Thành N tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận đăng ký xe số 069036 ngày 14-12-2020 do Công an tỉnh B cấp cho ông N.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05-10-2023, nguyên đơn Ngân hàng V1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bỏ nội dung "*Ngay sau khi ông Lý Thành N trả hết nợ cho Ngân hàng V1, thì Ngân hàng V1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lý Thành N tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận đăng ký xe số 069036 ngày 14-12-2020 do Công an tỉnh B cấp cho ông N*".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên.

Bị đơn ông Lý Thành N vắng mặt không rõ lý do.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bỏ nội dung mà nguyên đơn yêu cầu trong đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng V1 nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lý Thành N đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn*:

[2.1] *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc và lãi*:

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Lý Thành N phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20-9-2023) là 828.902.928 đồng và tiếp tục trả lãi từ ngày 21-9-2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng V1, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Các đương sự cũng không có kháng cáo đối với phần này của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, nội dung các quyết định của bản án sơ thẩm bị trùng lặp về nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất sửa lại nội dung này để đảm bảo thuận lợi cho việc thi hành án.

[2.2] Đối với phần bản án sơ thẩm tuyên "*Ngay sau khi ông Lý Thành N trả hết nợ cho V1, thì V1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lý Thành N tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận đăng ký xe số 069036 ngày 14-12-2020 do Công an tỉnh B cấp cho ông N*":

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson, biển số A-469.84. Đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn về phạm vi khởi kiện của mình. Còn bị đơn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, không có yêu cầu gì về việc xử lý tài sản bảo đảm, không yêu cầu nguyên đơn trả lại bản chính giấy đăng ký xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng V1. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên nội dung trên là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, ảnh hưởng đến việc xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bỏ nội dung nêu trên trong quyết định của bản án.

Trường hợp các bên liên quan có tranh chấp về việc xử lý tài sản bản đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật nên cần giữ nguyên.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1), sửa một phần bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 280, 401, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Lý Thành N.

1.1. Buộc ông Lý Thành N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20-9-2023 là 828.902.928 (tám trăm hai mươi tám triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, chín trăm hai mươi tám) đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 1284020.20 ngày 16-12-2020, trong đó: Nợ gốc là 596.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.550.663 đồng, nợ lãi quá hạn là 215.552.266 đồng.

1.2. Kể từ ngày 21-9-2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1), ông N còn phải tiếp tục trả tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1284020.20 ngày 16-12-2020.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Thành N phải nộp 36.867.087 (ba mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm tám mươi bảy) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.500.000 (mười lăm triệu, năm trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0011187 ngày 19-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0005202 ngày 15-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28-5-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. X, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. X, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. X, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Vỹ